

ẢNH HƯỞNG CỦA PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐẾN SINH KẾ HỘ NÔNG DÂN: LÝ LUẬN VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Trần Bá Uẩn^{1,2*}, Nguyễn Văn Song³

¹*NCS Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên*

³*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

**Tác giả liên hệ: bauandb@gmail.com*

Ngày nhận bài: 12.06.2020

Ngày chấp nhận đăng: 07.07.2020

TÓM TẮT

Mục tiêu của bài viết nhằm tổng hợp các vấn đề lý luận và thực tiễn, mối quan hệ và ảnh hưởng của phát triển du lịch đến điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường sinh kế và tác động trực tiếp đến sinh kế của người dân địa phương; đặc biệt là mối quan hệ giữa phát triển du lịch và sinh kế của cộng đồng dân cư địa phương. Kết quả nghiên cứu, tổng hợp cho thấy: hầu hết các nghiên cứu và thực tế các mô hình phát triển du lịch trên thế giới cũng như ở Việt Nam không chỉ có ảnh hưởng tích cực mà còn ảnh hưởng tiêu cực dưới góc độ kinh tế - xã hội - môi trường và sinh kế của cộng đồng dân cư địa phương. Ảnh hưởng tích cực nhất của phát triển du lịch đến sinh kế đó là thay đổi sinh kế của dân cư địa phương từ chỗ chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp sang đa dạng hơn, và thu nhập cao hơn. Ảnh hưởng tiêu cực rõ nhất đó là sự phân phối không công bằng về lợi ích của người dân địa phương và các công ty phát triển du lịch; bên cạnh đó là ảnh hưởng tiêu cực của các tệ nạn xã hội tới văn hoá truyền thống của địa phương.

Từ khoá: Phát triển, phát triển du lịch, sinh kế, lý luận, bài học, Việt Nam.

The Impact of Tourism Development on Farmers' Livelihoods: Theories and Lessons Learned for Vietnam

ABSTRACTS

The objective of the paper is to synthesize theoretical, practical, relationship, and influence issues of tourism development on economic - social- environmental livelihoods and directly impact on the livelihoods of local people; especially, the relationship between tourism development and the livelihoods of local communities. The results have shown that most investigations and the reality of tourism development models in the world as well as in Vietnam have not had only positive effects but also negative effects from economic - social - environment perspectives, and livelihood of local communities. The most positive effects of tourism development on livelihoods are to change the livelihoods of local people from being largely dependent on agricultural production for greater diversity, and higher incomes. The most obvious negative impact is the unequal distribution of benefits of local people and tourism development companies; Besides, there is a negative influence of social evils to the local traditional cultures.

Keywords: Development, tourism development, livelihoods, theory, lessons, Vietnam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch tạo ra nhiều công việc đa dạng hơn cho người nông dân, du lịch cũng tạo ra sự đa dạng hơn của thu nhập, cho phép các hộ nông dân chuyển đổi đất hoang trong nông nghiệp để trồng và tái tạo rừng (García-Martínez & cs., 2011; Job & Paesler, 2013). Một số nghiên cứu khác (Hall, 2011; Mbaiwa & Kolawole, 2013;

Worku, 2017) đã kết luận rằng phát triển du lịch tạo ra lợi ích cho việc bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sự hiểu biết của cộng đồng người địa phương về đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học. Dưới góc độ kinh tế, Beheshti & cs., (2017) đã chỉ ra phát triển du lịch tạo ra sự không công bằng trong phân phối thu nhập trong cộng đồng người dân bản địa và các công ty làm du lịch. Job & Paesler (2013); Wiranatha & cs.,

(2017) kết luận, hầu hết lợi nhuận từ phát triển du lịch tạo ra chuyển cho các nước phát triển.

Sự phát triển của du lịch sinh thái được xem như chiến lược của sự phát triển bền vững, tạo ra các lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương (2014; Adiyia & cs., 2017); Phát triển du lịch tạo ra thu nhập như là một nguồn thu nhập ngoài nông nghiệp làm động lực kéo giá trị sản phẩm biên của nông nghiệp (Job & Paesler, 2013).

Mục đích của bài viết nhằm trình bày lý luận về sinh kế, du lịch, phát triển du lịch, mối quan hệ và tác động của phát triển du lịch đến sinh kế hộ nông dân làm cơ sở rút ra bài học kinh nghiệm cho phát triển du lịch gắn với sinh kế hộ nông dân ở Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng nguồn thông tin và số liệu thứ cấp từ sách, báo, tạp chí chuyên ngành, đề tài, bài báo khoa học đã được công bố của các nhà xuất bản, tạp chí khoa học có uy tín, có ảnh hưởng cao nhằm giúp hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của phát triển du lịch đến sinh kế hộ nông dân. Các số liệu thu thập được phân tích bằng phương pháp nghị luận, phương pháp thống kê kinh tế, phương pháp hệ thống để đáp ứng yêu cầu nội dung nghiên cứu của bài viết.

2.2. Khung lý thuyết

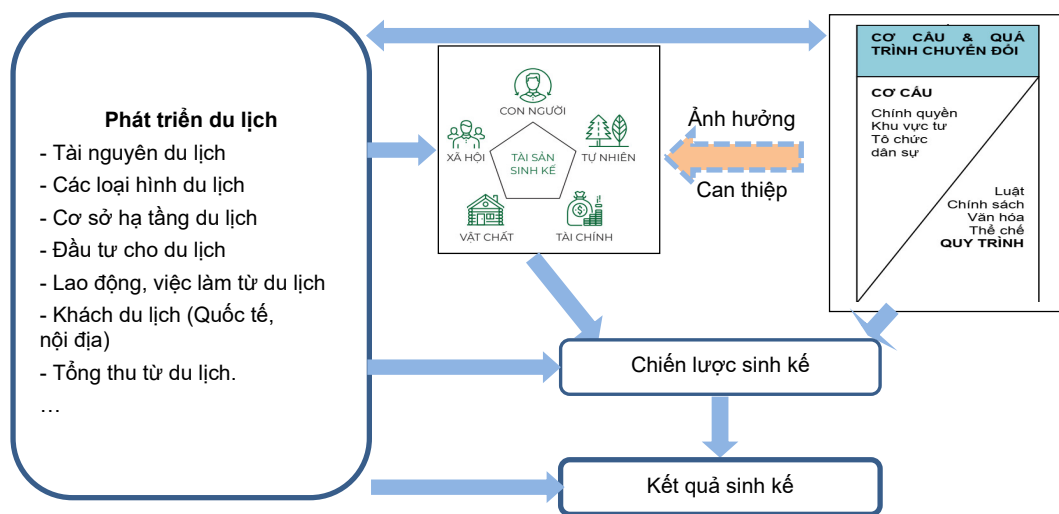
Nghiên cứu dựa trên khung sinh kế bền vững được Cơ quan phát triển Vương quốc Anh (DFID) đưa ra năm 2001. Trên cơ sở phát triển khung sinh kế bền vững của DFID, năm 2004 Quỹ quốc tế về phát triển nông nghiệp (IFAD) đã xây dựng khung sinh kế bền vững mới. Theo khung sinh kế bền vững của IFAD, con người được xác định là trung tâm, khung sinh kế bền vững này trở thành một công cụ tương đối trực quan và dễ dùng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Lý luận về phát triển và phát triển du lịch

3.1.1. Một số khái niệm cơ bản

- Khái niệm phát triển du lịch: Có nhiều tác giả đã đưa ra nhiều khái niệm khác nhau về phát triển du lịch tùy theo từng góc độ nghiên cứu: phát triển du lịch là phát triển về lượng và chất tổng hoà các mối quan hệ kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động di chuyển (Mill & Morrison, 1985). Qua các định nghĩa, có thể thấy được sự biến đổi trong nhận thức về nội dung thuật ngữ du lịch, một số quan điểm cho rằng du lịch là một hiện tượng xã hội, số khác lại cho rằng đây phải là một hoạt động kinh tế (Nguyễn Văn Đính & Trần Thị Minh Hòa, 2004).



Nguồn: Tác giả, kế thừa DFID (2001).

Hình 1. Khung lý thuyết ảnh hưởng của phát triển du lịch đến sinh kế hộ nông dân

- Khái niệm sinh kế: Sinh kế được R. Chambers đề cập từ những năm 1980. Trong đó sinh kế được hiểu theo nghĩa đơn giản nhất đó là cách thức để kiếm sống (DFID, 2001). Năm 1992, Chambers & Conway đã đưa ra định nghĩa đầy đủ hơn “Sinh kế bao gồm khả năng, nguồn lực và các hoạt động cần thiết làm phương tiện sống của con người”.

- Sinh kế hộ nông dân: Theo Ellis (1993), “Hộ nông dân là các nông hộ có phương tiện sống từ ruộng đất, sử dụng chủ yếu lao động gia đình trong sản xuất nông trại, nằm trong một hệ thống kinh tế rộng hơn, nhưng về cơ bản được đặc trưng bằng việc tham gia một phần trong thị trường hoạt động với một trình độ hoàn chỉnh không cao”.

Với hộ nông dân, sinh kế theo nghĩa đơn giản là cách thức kiếm sống thông qua các hoạt động để tạo thu nhập và việc làm, theo nghĩa đầy đủ sinh kế bao gồm khả năng, các loại vốn sinh kế và hoạt động để nuôi sống gia đình.

3.1.2. Mối quan hệ giữa lý luận về phát triển, phát triển nông thôn và phát triển du lịch

Nghiên cứu và quan điểm về phát triển, phát triển nông thôn của các tác giả đã được Shen (2009) tổng hợp trong bảng 1.

Theo quan điểm trên, nền tảng đầu tiên “Nền tảng vận động”, phát triển du lịch sẽ dần dần và tự lan toả từ những khu vực phát triển nhất sang các khu vực kém phát triển hơn

(Browett, 1979). Khi bước sang thập niên 1960, nền tảng này dần dần được thay thế bởi nền tảng thứ hai “Cảnh báo”. Nó nhận ra triển vọng tiêu cực của du lịch và chỉ trích hoạt động du lịch theo mùa và không có kỹ năng, phá hủy môi trường tự nhiên và cấu trúc xã hội (Jafari, 1990). Nền tảng cảnh báo liên quan đến lý thuyết phụ thuộc. Cuộc tranh luận về lý thuyết phụ thuộc trong du lịch, việc quá chú ý đến du lịch đại chúng và quốc tế nhưng ít quan tâm đến du lịch thay thế và nội địa (Khan, 1997) đã dẫn đến nền tảng thứ ba “Thích nghi” vào đầu những năm 1980. Nền tảng này kêu gọi phát triển các lựa chọn cho du lịch đại chúng như du lịch sinh thái, du lịch nông thôn và du lịch xanh. Nền tảng thích ứng theo mô hình của mô hình phát triển thay thế.

Dựa trên các quan điểm trên, Shen (2009) đã đề xuất một mô hình để chứng minh cho mối quan hệ giữa sinh kế và phát triển du lịch. Sinh kế của người nông dân và nông thôn cho du lịch là một sự hội tụ của phát triển bền vững, phát triển nông thôn và phát triển du lịch.

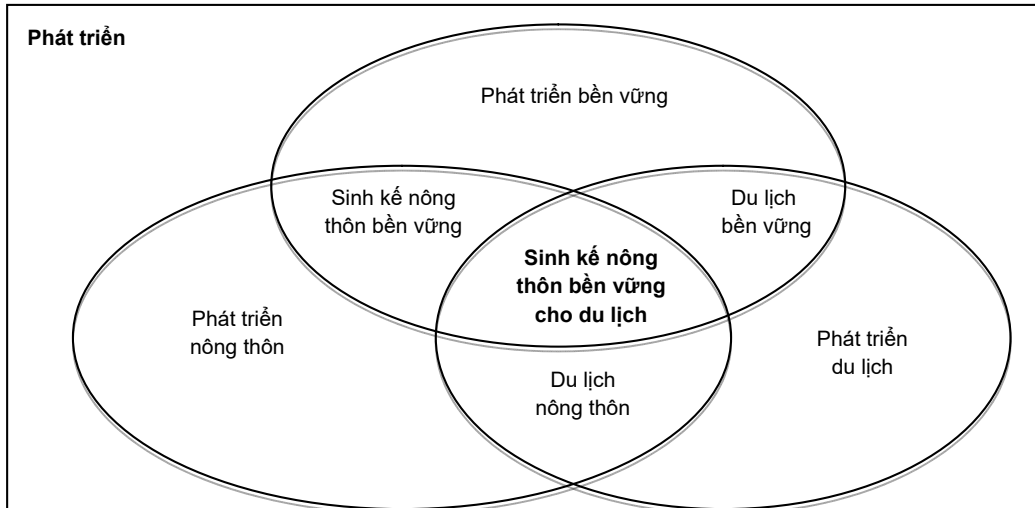
3.1.3. Các tác động của du lịch đến kinh tế - xã hội và môi trường

- Tác động đến kinh tế của du lịch: Cải thiện cán cân thương mại quốc gia. Tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới (Mitchell, 2012;). Quảng bá cho sản xuất của địa phương, tăng nguồn thu cho nhà nước (Mbaiwa, 2011; Nyaupane & Poudel, 2011; Adiyia & cs., 2017).

Bảng 1. Quan điểm về phát triển, phát triển nông thôn và phát triển du lịch

Thời gian	Phát triển	Phát triển nông thôn	Phát triển du lịch
Giai đoạn những năm 1950 - 1960	Hiện đại hoá (Welch, 1984)	Dân số và mô hình công nghiệp (Schutjer & Stokes, 1984)	Nền tảng vận động (Browett, 1980;)
Giai đoạn 1960 - 1970	Lý thuyết phụ thuộc (Frank, 1967; Hettne, 1995)	Sự thay đổi về kinh tế trong nông nghiệp (Aziz, 1978; Lea & Chaudhri, 1983)	Nền tảng cảnh báo (Oppermann, 1993; Khan, 1997)
Những năm 1980	Phát triển thay thế (Nerfin, 1997; Hettne, 1995)	Phát triển nông nghiệp (Ellis, 2000)	Nền tảng thích ứng (Dearden & Harron, 1994)
Từ những năm 1990 đến nay	Phát triển bền vững (Hardy & cs., 2002; Sofield, 2003)	Phương pháp tiếp cận sinh kế bền vững (Chambers & Conway, 1992; Ellis, 2000)	Nền tảng trí thức (Jafari, 1990; Hardy & cs., 2002)

Nguồn: Shen (2009).



Nguồn: Shen (2009).

Hình 2. Mối quan hệ giữa phát triển, phát triển du lịch, phát triển nông thôn và sinh kế

Bảng 2. Tổng quan các tác động cơ bản của phát triển du lịch tới kinh tế - xã hội - môi trường

	Tác động đến kinh tế	Tác động đến xã hội	Tác động đến môi trường
Tích cực	Tạo thu ngoại tệ và thu hút đầu tư (Mitchell, 2012). Đa dạng công việc và thu nhập (Adiyia & cs., 2017). Xoá đói giảm nghèo (Mbaiwa, 2011; Nyaupane & Poudel, 2011; Adiyia & cs., 2017; Huong & cs., 2020).	Nhận dạng giới thiệu giá trị văn hoá truyền thống (Mak & cs., 2012; Stankova, 2015). Rút ngắn khoảng cách thu nhập giữa nam và nữ (Scheyvens, 2000; Akyeampong, 2011; Basurto-Barcia & Ricaurte-Quijano, 2017)	Giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên của người dân bản địa (Nyaupane & Poudel, 2011; Worku, 2017) Giảm đất bỏ hoang (Job & Paesler, 2013;) Tăng hiểu biết, nhận thức về môi trường (Mathieson & Wall, 1982)
Tiêu cực	Sử dụng tài nguyên của địa phương nhưng mang lại lợi ích cho bên ngoài (Job & Paesler, 2013; Wiranatha & cs., 2017). Tạo ra sự không công bằng trong kinh tế giữa cư dân địa phương và người các công ty (Stone, 2010; Truong & Hall, 2015).	Mâu thuẫn xã hội, tệ nạn xã hội phát sinh (Yang & cs., 2013; Devine & Ojeda, 2017; Vũ Đức Minh, 1999)	Tăng tốc độ khai thác, suy thoái rừng, (Gaughan & cs., 2009; Wang & Liu, 2013). Làm suy thoái đất, suy giảm đa dạng sinh học, Atik & cs., 2010; Rasekhi & cs., 2016; Lê Thành Chơn, 2005; Mathieson & Wall, 1982).

- Các tác động vào văn hoá - xã hội

Du lịch giúp bảo tồn các di sản văn hoá của địa phương, nâng cao hiểu biết của người dân địa phương (Mak & cs., 2012; Stankova, 2015); rút ngắn chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ (Scheyvens, 2000; Duong, 2008; Akyeampong, 2011; Basurto-Barcia & Ricaurte-Quijano, 2017).

Hoạt động du lịch cũng tạo ra nhiều vấn đề tiêu cực có liên quan đến văn hoá - xã hội, làm nảy sinh các tệ nạn xã hội như sử dụng và buôn bán các chất ma tuý, mại dâm, trộm cắp (Yang & cs., 2013; Devine & Ojeda, 2017).

- Tác động đến môi trường sinh thái

Những tác động tích cực: nâng cao chất lượng môi trường của khu du lịch (Nyaupane & Poudel, 2011; Worku, 2017), tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân sở tại về môi trường địa phương (Mathieson & Wall, 1982). Những tác động tiêu cực: ô nhiễm môi trường nước, không khí, tiếng ồn (Gaughan & cs., 2009; Wang & Liu, 2013; Atik & cs., 2010); ảnh hưởng tới thoái hoá đất, giảm tính đa dạng sinh học (Rasekhi & cs., 2016; Lê Thành Chơn, 2005); phá vỡ môi trường gây khó khăn cho việc sử dụng đất (Lê Thành Chơn, 2005;).

3.1.4. Ảnh hưởng của phát triển du lịch đến sinh kế của hộ nông dân

- Ảnh hưởng tới các nguồn vốn sinh kế: Nguồn vốn con người, xã hội, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng và vốn tài chính. Đối với con người, giúp tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân sở tại về môi trường địa phương (Mathieson & Wall, 1982). Thông qua đào tạo, hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ, năng lực của người dân ở nông thôn tăng, mở ra các cơ hội kinh tế cho tương lai (Renaud, 2010). Đối với xã hội, tạo cơ hội giao lưu văn hoá giữa khách du lịch và cư dân để cùng học hỏi lẫn nhau, đi đến sự tôn trọng bản sắc văn hoá của nhau và nhận dạng bản sắc văn hoá truyền thống, trong khi khách du lịch cũng đem lại sức sống cho các khu vực xa xôi (Bixia & cs., 2018). Tuy nhiên, hoạt động du lịch cũng sẽ tạo ra nhiều vấn đề tiêu cực: Sức ép cho việc sử dụng cơ sở vật chất của dân cư địa phương, phá vỡ những hoạt động thường nhật của cộng đồng, làm mất văn hóa truyền thống và làm cho kết nối xã hội yếu đi (Weiye & cs., 2018).

Đối với tài nguyên thiên nhiên: Giữ gìn và tôn tạo các điểm du lịch có vẻ đẹp đáng trân trọng, cũng như cuộc sống hoang dã của các loài động, thực vật. nâng cao chất lượng môi trường của khu du lịch. (Worku, 2017; Job & Paesler, 2013). Mặt khác, phát triển du lịch cũng có những mặt tiêu cực: Ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm không khí ô nhiễm tiếng ồn, phá rừng (Gaughan & cs., 2009; Atik & cs, 2010). Lợi ích kinh tế từ hoạt động du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo, thay đổi về môi trường, xã hội và thay đổi cơ sở hạ tầng (Seiler & Norman, 2014).

- Phát triển du lịch ảnh hưởng đến cơ cấu/cấu trúc và quy trình/thể chế: Các hoạt động du lịch đã tác động mạnh mẽ tới con người, môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội. Điều này đòi hỏi sự thay đổi về mặt cơ cấu, thể chế. Đây được coi là những nhân tố mang tính quản lý, quản trị có tác dụng quan trọng trong giảm nhẹ ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố bối cảnh gây tổn thương đến nhóm đối tượng thông qua việc tăng cường tiếp cận các nguồn vốn sinh kế nhằm cải thiện tình trạng kinh tế và tăng khả năng ứng phó, phòng vệ trước các diễn biến bất lợi từ môi trường.

Phát triển du lịch cũng đòi hỏi sự tham gia của các cấp chính quyền để đưa ra các quyết định cũng như ban hành chính sách mới hoặc thay đổi chính sách hiện có. Điều này luôn đi kèm theo sự phân quyền giữa các cấp đối với các điểm du lịch. Những thay đổi về quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch là cần thiết trong phát triển du lịch và giữ vai trò quan trọng trong tổ chức quản lý (Christian & cs., 2019).

- Ảnh hưởng của du lịch đến hoạt động sinh kế: Du lịch được coi là một sinh kế mới, thay thế cho sinh kế truyền thống, người dân mong muốn vẫn kết nối du lịch với công việc truyền thống, tuy nhiên ở nhiều khu vực, sự kết nối gặp khó khăn (Dressler & Fabyinyi, 2011). Du lịch tạo ra cơ hội cho các loại hình kinh doanh khác: khách sạn, khu nghỉ dưỡng, các dịch vụ lữ hành phát triển. Du lịch góp phần giải quyết một số lượng lớn lao động ở địa phương. Phát triển du lịch còn giúp phụ nữ ở các vùng nông thôn nâng cao vị thế thông qua hoạt động kinh doanh, buôn bán các sản phẩm thủ công hay tham gia các công việc khác như chụp ảnh, nấu ăn... (Rezaur, 2016). Nghiên cứu của Dương Hoàng Hương (2016) cho thấy du lịch tác động nhất định đến sinh kế của người dân: lao động tham gia một số ngành sản xuất cung ứng sản phẩm nông nghiệp, hàng lưu niệm, thủ công mỹ nghệ, một số hộ tham gia hoạt động phục vụ khách, cơ sở du lịch cộng đồng, các hoạt động văn hoá truyền thống.

- Phát triển du lịch ảnh hưởng đến chiến lược sinh kế: Căn cứ vào chính sách phát triển du lịch của các địa phương để lựa chọn sinh kế của hộ. Hộ nông dân dễ tiếp cận hơn với các nguồn lực để thực hiện các sinh kế từ du lịch cũng như tiếp nhận những kiến thức cần thiết để lựa chọn sinh kế (Mak & cs., 2012; Stankova, 2015; Basurto-Barcia & Ricaurte-Quijano, 2017).

- Phát triển du lịch ảnh hưởng đến kết quả của sinh kế: Các hoạt động du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân. Đối với khu vực nông thôn, sự tăng trưởng về du lịch khiến thu nhập của các hộ tăng lên và đóng góp cho phát triển kinh tế nông thôn (Karin & Zyl, 2002;). Phát triển du lịch góp phần tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới. Thu hút nhiều lao động trực tiếp, gián tiếp, lao động theo mùa vụ

và lao động tham gia vào các hoạt động xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động du lịch. (Mitchell, 2012; Seiler & Norman, 2014).

Phát triển du lịch cũng có những tác động tiêu cực tới sinh kế: Các hoạt động sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên như hoạt động nông nghiệp, khai thác thủy sản, lâm sản... bị sụt giảm khi phát triển du lịch (Waltham & cs., 2015). Ngoài ra, xung đột lợi ích giữa các nhóm cộng đồng dân cư trong cùng địa phương hoặc ngoài địa phương, giữa hoạt động sinh kế truyền thống với hoạt động du lịch xảy ra liên quan đến các nguồn lực khan hiếm khác, ví dụ: khi quỹ đất bị hạn chế để phục vụ việc bảo tồn, sự sụt giảm nguồn nhân lực (Mingming, 2018).

3.2. Thực tiễn nghiên cứu về ảnh hưởng của phát triển du lịch đến sinh kế hộ nông dân

3.2.1. Kinh nghiệm từ nghiên cứu ở các nước trên thế giới

Nghiên cứu của Shen (2009) đã chỉ ra rằng: Ngành du lịch ngày càng phát triển và trực tiếp gắn kết với việc xoá đói giảm nghèo ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, những năm gần đây nó bị chỉ trích bởi các nhà phát triển nông thôn vì thiếu sự quan tâm đối với người nghèo ở nông thôn và quá tập trung vào du lịch. Zhang & cs. (2015) cho rằng sinh kế là nền tảng cho các gia đình nông thôn, du lịch là một lực lượng mạnh mẽ cho sự phát triển đô thị hóa. Dựa trên khung lý thuyết bền vững cơ bản, nghiên cứu này phân loại hộ nông dân ở vùng nghiên cứu thành bốn loại, bao gồm hộ gia đình lao động, hộ gia đình du lịch, hộ gia đình bán thời gian và hộ gia đình không du lịch bán thời gian, để tiến hành phân tích toàn diện về vốn sinh kế, chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế. Su & cs. (2019) nghiên cứu vốn sinh kế bền vững và chiến lược trong du lịch nông thôn trên quan điểm tính thời vụ. Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn sinh kế của các hộ gia đình tham gia các hoạt động du lịch thường thấp.

3.2.2. Kinh nghiệm ở Việt Nam

Nguyễn Đăng Hào (2010) và Vũ Thị Hoài Thu (2013) chỉ ra cơ chế tác động: (i) Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến các nguồn lực sinh

kế; (ii) Các nguồn lực sinh kế sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động sinh kế; (iii) Các hoạt động sinh kế sẽ ảnh hưởng đến các kết quả sinh kế. Lê Ánh Dương (2017) và Võ Thị Thu Ngọc (2018) chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới sinh kế hộ gồm yếu tố khách quan và các yếu tố chủ quan của hộ. Nguyễn Hải Núi (2019) kết quả nghiên cứu cho thấy, sự lựa chọn chiến lược sinh kế của các hộ có sự khác biệt giữa các nhóm hộ về mức độ kinh tế của hộ. Hoàng Thị Thu Hương & cs. (2020) nghiên cứu tác động của phát triển du lịch đến sinh kế địa phương, kết quả cho thấy việc phát triển du lịch đã làm tăng mức sống của người dân tộc thiểu số và dẫn đến các hệ thống canh tác thâm canh hơn với sự tái sinh rừng trên các cánh đồng bị bỏ hoang.

3.3. Bài học cho nghiên cứu phát triển du lịch với sinh kế hộ nông dân Việt Nam

Nghiên cứu các lý luận về sự ảnh hưởng của phát triển du lịch tới sinh kế hộ nông dân và từ việc tổng hợp các nghiên cứu trước đó trên thế giới và Việt Nam có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho nghiên cứu ảnh hưởng phát triển du lịch tới sinh kế hộ nông dân Việt Nam.

Nghiên cứu ảnh hưởng của phát triển du lịch tới sinh kế cộng đồng dân cư tức là nghiên cứu sự thay đổi về nguồn vốn sinh kế của hộ gia đình khi có sự xuất hiện của du lịch tại địa phương.

Những tác động tích cực của phát triển du lịch tới sinh kế: nâng cao nhận thức, tay nghề; tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm; bảo tồn di sản văn hóa của địa phương; giao lưu văn hóa giữa địa phương và khách du lịch; nâng cao chất lượng môi trường của khu du lịch, bảo vệ cuộc sống của các loài động, thực vật; đẩy mạnh hoàn thiện mạng lưới giao thông, mạng lưới điện, nước, các phương tiện thông tin đại chúng ở các vùng nông thôn,...

Những tác động tiêu cực của phát triển du lịch tới sinh kế: tạo sức ép lên môi trường cũng như cơ sở vật chất; mất văn hóa truyền thống và khiến kết nối xã hội yếu đi; nảy sinh các tệ nạn xã hội; phân phối lợi ích không công bằng, nhất là đối với người dân bản địa; giá cả sinh hoạt tăng,...

Những ảnh hưởng của phát triển du lịch đối với kết quả sinh kế: tạo việc làm, thu nhập, cải thiện cơ sở vật chất, được định lượng cụ thể.

Phương pháp so sánh thường được dùng để phân tích ảnh hưởng của phát triển du lịch tới sinh kế hộ gia đình: so sánh sự thay đổi về sinh kế trước và sau khi phát triển du lịch; so sánh giữa các nhóm hộ gia đình có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động du lịch, nhóm hộ có liên quan đến hoạt động du lịch và nhóm hộ hoạt động nông nghiệp truyền thống.

Trong nghiên cứu sinh kế, phương pháp phân cụm được sử dụng để phân loại các nhóm hộ. Các biến thường được sử dụng để phân cụm là: chiến lược sinh kế, mức thu nhập, mức chi tiêu, tài sản,...

4. KẾT LUẬN

Về mặt lý luận, sự phát triển của du lịch có ảnh hưởng không chỉ dưới các góc độ kinh tế - xã hội - môi trường mà phát triển du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của người dân địa phương, đặc biệt là người nông dân, thông qua việc tác động vào các nguồn vốn sinh kế; các cơ cấu/cấu trúc, các quy trình/thể chế và kết quả sinh kế của các hộ dân địa phương. Sự tác động này vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, phụ thuộc vào tài nguyên du lịch; thể chế, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển du lịch nói riêng; các điều kiện về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng; phụ thuộc vào trình độ và ý thức của người dân khi tham gia vào lĩnh vực du lịch. Thực tiễn nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam cho thấy, nghiên cứu phát triển du lịch ảnh hưởng tới sinh kế hộ nông dân thường tập trung vào những thay đổi trong vốn sinh kế và các kết quả sinh kế thông qua việc so sánh các nhóm hộ gia đình hoặc so sánh sự thay đổi trong các thành phần sinh kế trước và sau khi phát triển du lịch để thấy rõ sự ảnh hưởng. Từ các nghiên cứu trong nước và quốc tế, để có giải pháp đảm bảo chiến lược sinh kế trong bối cảnh phát triển du lịch ở Việt Nam nên: (i) Đánh giá đúng, đầy đủ tài nguyên, tiềm năng phát triển du lịch của mỗi vùng, mỗi địa phương; (ii) Đánh

giá đúng những ảnh hưởng, tác động của phát triển du lịch đến sinh kế hộ nông dân; (iii) Phát triển đa dạng sinh kế dựa trên các thế mạnh về du lịch của mỗi vùng, mỗi cộng đồng; (iv) Tăng cường sử dụng kiến thức bản địa trong xây dựng mô hình sinh kế mới có liên quan đến lĩnh vực du lịch, đặc biệt là các giá trị mang tính chất vùng miền, dân tộc, văn hoá, lịch sử; (v) Nhà nước và chính quyền địa phương cần phát huy vai trò định hướng và hỗ trợ các hộ nông dân xây dựng mô hình sinh kế mới bên cạnh các hoạt động sinh kế truyền thống thuần túy nông nghiệp của các hộ nông dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adiyia B., Vanneste D. & Van Rompaey A. (2017). The poverty alleviation potential of tourism employment as an off-farm activity on the local livelihoods surrounding Kibale National Park, western Uganda. *Tourism and Hospitality Research*. 17(1): 34-51.
- Akyeampong O.A. (2011). Pro-poor tourism: residents' expectations, experiences and perceptions in the Kakum National Park Area of Ghana. *Journal of Sustainable Tourism*. 19(2): 197-213.
- Atik M., Altan T. & Artar M. (2010). Land Use Changes in Relation to Coastal Tourism Developments in Turkish Mediterranean. *Polish Journal of Environmental Studies*. 19(1).
- Aziz S. (1978). *Rural development: learning from China*: Macmillan International Higher Education.
- Basurto-Barcia J. & Ricaurte-Quijano C. (2017). Women in tourism: Gender (in) equalities in university teaching and research. *Anatolia*. 28(4): 567-581. doi: <https://doi.org/10.1080/13032917.2017.1370781>.
- Beheshti M.B., Mohammadzadeh P., & Ghasemlou K. (2017). The Impact of Tourism Development on Income Inequality in Iranian Provinces. *Journal of Tourism Planning and Development*. 6(22): 4-6.
- Bixia Chen, Zhenmian Qiu, Nisikawa Usio & Koji Nakamura (2018). Tourism's Impacts on Rural Livelihood in the Sustainability of an Aging Community in Japan. *Sustainability, MDPI. Open Access Journalol*. 10(8): 1-17.
- Browett J. (1980). Development, the diffusionist paradigm and geography. *Progress in Geography*. 4(1): 57-79.
- Chambers R. & Conway G. (1992). *Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century*: Institute of Development Studies (UK).

- Christian E. Wells, W. Alex Webb, Christine M. Prouty, Rebecca K. Zarger, Maya A. Trotz, Linda M. Whiteford & James R. Mihelcic (2019). Wastewater technopolitics on the southern coast of Belize. *Economic Anthropology*, Wiley Blackwell. 6(2): 277-290.
- Deaden P. & Harron S. (1994). Alternative tourism and adaptive change. *Annals of tourism research*. 21(1). 81-102.
- Devine J. & Ojeda D. (2017). Violence and dispossession in tourism development: A critical geographical approach. *Journal of Sustainable Tourism*. 25(5): 605-617.
- DFID (2001). Sustainable Livelihoods Guidance Sheets. DFID Report.
- Duong B. (2008). Sự thay đổi các mối quan hệ lao động ở một bản H'mông tại Sa Pa, Tây Bắc Việt Nam (Changing Labor Relations in a Hmong Village in SaPa, Northwestern Vietnam). *Những chuyên đề kinh tế-xã hội ở vùng cao Việt Nam (Upland Transformations)*. tr. 85-97.
- Dressler W.H. & Fabinyi M. (2011). Farmer gone fish'n? Swidden decline and the rise of grouper fishing on Palawan Island, the Philippines. *Journal of Agrarian Change*. 11(4): 536-555. doi: 10.1111/j.1471-0366.2011.00309.x
- Ellis F. (1993). *Peasants Economics: Farm Households and Agrarian Development*, 2nd Edition. Cambridge University Press.
- Frank A.G. (1967). *Capitalism and underdevelopment in Latin America*. NYU Press. 93 .
- García-Martínez A., Bernués A. & Olaizola A. (2011). Simulation of mountain cattle farming system changes under diverse agricultural policies and off-farm labour scenarios. *Livestock Science*. 137(1-3): 73-86.
- Gaughan A.E., Binford M.W. & Southworth J. (2009). Tourism, forest conversion, and land transformations in the Angkor basin, Cambodia. *Applied Geography*: 29(2): 212-223.
- Hall C.M. (2011). Seeing the forest for the trees: Tourism and the international year of forests. *Journal of Heritage Tourism*. 6(4): 271-283.
- Hardy A., Beeton R.J. & Pearson L. (2002). Sustainable tourism: An overview of the concept and its position in relation to conceptualisations of tourism. *Journal of Sustainable Tourism*. 10(6): 475-496.
- Hettne B. (1995). *Development theory and the three worlds: towards an international political economy of development*: Essex, England; New York, NY: Longman Scientific & Technical. Copublished in the United States by John Wiley.
- Hoang Thi Thu Huong, Van Rompaey A., Meyfroidt P., Govers G., Vu K.C., Nguyen A.T. & Vanacker V. (2020). Impact of tourism development on the local livelihoods and land cover change in the Northern Vietnamese highlands. *Environment, Development and Sustainability*. 22(2): 1371-1395. doi:10.1007/s10668-018-0253-5
- Jafari J. (1990). Research and scholarship: the basis of tourism education. *Journal of tourism studies*. 1(1): 33-41.
- Job H. & Paesler F. (2013). Links between nature-based tourism, protected areas, poverty alleviation and crises. The example of Wasini Island (Kenya). *Journal of Outdoor Recreation and Tourism*. 1: 18-28.
- Karin Mahony & Jurgens Van Zyl (2002). The impacts of tourism investment on rural communities: Three case studies in South Africa. *Development Southern Africa*, Taylor & Francis Journals. 19(1): 83-103.
- Khan M.M. (1997). Tourism development and dependency theory: Mass tourism vs. ecotourism. *Annals of tourism research*. 24(4): 988-991.
- Lê Ánh Dương (2017). *Nghiên cứu sinh kế của hộ nông dân ở vùng ven thành phố Nam Định*, Luận án Tiến sĩ. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Lê Thành Chon (2005). *Tinh táo để phát triển du lịch bền vững*, truy cập từ http://www.baocongantp.hcm.com.vn/Anninh_dulich/detail_news_ANDL.php, ngày 20/5/2020.
- Lea D.A.M. & Chaudhri D. (1983). *Rural development and the state; contradictions and dilemmas in developing countries*. London, New York: Methuen & Co.Ltd.
- Mak A.H., Lumbers M. & Eves A. (2012). Globalisation and food consumption in tourism. *Annals of tourism research*. 39(1): 171-196.
- Mathieson A. & Wall G. (1982). *Tourism, economic, physical and social impacts*: Longman.
- Mbaiwa J. & Kolawole O.D. (2013). *Tourism và biodiversity conservation: The case of Community-Based Natural Resource Management in Southern Africa*. 8.
- Mbaiwa J.E. (2011). Changes on traditional livelihood activities and lifestyles caused by tourism development in the Okavango Delta, Botswana. *Tourism management*. 32(5): 1050-1060.
- Mill R.C. & Morrison A.M. (1985). *The Tourism System: An Introductory Text*: Englewood Cliffs, N.J. Prentice-Hall International.
- Mingmin Su, Yehong Sun, Qingwen Min & Wenjun Jiao (2018). *A Community Livelihood Approach to Agricultural Heritage System Conservation and Tourism Development: Xuanhua Grape Garden Urban Agricultural Heritage Site, Hebei Province of China*, Sustainability, MDPI, Open Access Journal. 10(2): 1-14.
- Mitchell J. (2012). Value chain approaches to assessing the impact of tourism on low-income households

- in developing countries. *Journal of Sustainable Tourism*. 20(3): 457-475.
- Nerfin M. (1997). *Another development: Approaches and strategies*. Uppsala: Dag Hammarskjold Foundation.
- Nguyễn Đăng Hào (2010). Sự thay đổi trong chiến lược sinh kế và thu nhập của các nông hộ vùng cát ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2003-2008. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*. 62: 75-84.
- Nguyễn Hải Núi (2019). Phát triển sinh kế bền vững cho người dân phụ thuộc rừng ở Bắc Cạn, Luận án Tiến sĩ. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Văn Đính & Trần Thị Minh Hoà (2004). *Giáo trình Kinh tế du lịch*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- Nyaupane G.P. & Poudel S. (2011). Linkages among biodiversity, livelihood, and tourism. *Annals of tourism research*. 38(4): 1344-1366.
- Oppermann M. (1993). Tourism space in developing countries. *Annals of tourism research*. 20(3): 535-556.
- Rasekhi S., Karimi S. & Mohammadi S. (2016). Environmental Impacts of Tourism A Case Study of Selected Developing and Developed Countries. *The Journal of Tourism Planning and Development*. 5(16): 20-28.
- Rezaur Rhaman M. (2016). The socio-economic importance of tourism and its impact on the livelihood in South Asia Case Rangamati, Bangladesh. Bachelor's Thesis. Centria University Of Applied Sciences. https://www.theseus.fi/bitstream/handle/10024/116404/Rezaur_Rhaman.pdf?sequence=1&isAllowed=y
- Renaud Lapeyre (2010). Community-based tourism as a sustainable solution to maximise impacts locally? The Tsiseb Conservancy case, Namibia, *Development Southern Africa*, Taylor & Francis Journals. 27(5): 757-772.
- Scheyvens R. (2000). Promoting women's empowerment through involvement in ecotourism: Experiences from the Third World. *Journal of Sustainable Tourism*. 8(3): 232-249.
- Schutjer W.A. & Stokes C.S. (1984). *Rural development and human fertility*: Macmillan Publishing Company.
- Seiler Christof & Backhaus Norman (2014). Tourismus im UNESCO Weltnaturerbe: Einkommen steigen, Disparitäten bleiben im philippinischen Puerto-Princesa Subterranean River National Park, *Zeitschrift für Tourismuswissenschaft*, De Gruyter. 6(2): 213-218.
- Shen F. (2009). *Tourism and the Sustainable Livelihoods Approach: Application Within the Chinese Context: a Thesis Submitted in Partial Fulfilment of the Requirements for the Degree of Doctor of Philosophy at Lincoln University*. Lincoln University.
- Sofield T.H. (2003). *Empowerment for sustainable tourism development*: Emerald Group Publishing.
- Stankova M., & Vassenska I. (2015). Raising cultural awareness of local traditions through festival tourism. *Tourism & Management Studies*. 11(1): 120-127.
- Su Z., Aaron J.R., Guan Y. & Wang H. (2019). Sustainable Livelihood Capital and Strategy in Rural Tourism Households: A Seasonality Perspective. *Sustainability*/ 11(18): 4833. doi: <https://doi.org/10.3390/sul1184833>
- Võ Thị Thu Ngọc (2018). Kinh tế du lịch theo hướng phát triển bền vững ở tỉnh Thừa Thiên Huế, Luận án Tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Vũ Đức Minh (1999). *Tổng quan về du lịch*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Vũ Thị Hoài Thu (2013). Sinh kế bền vững ven biển đồng bằng sông hồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu: Nghiên cứu điển hình tại tỉnh Nam Định, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Waltham Nathan J. & Sheaves Marcus (2015). Expanding coastal urban and industrial seascape in the Great Barrier Reef World Heritage Area: Critical need for coordinated planning and policy, *Marine Policy*, Elsevier. 57(C): 78-84.
- Wang J. & Liu Y. (2013). Tourism-led land-use changes and their environmental effects in the southern coastal region of Hainan Island, China. *Journal of Coastal Research*. 29(5): 1118-1125.
- Weiyi Wang, Jinlong Liu, Robert Kozak, Mengmeng Jin & John L. Innes (2018). How Do Conservation and the Tourism Industry Affect Local Livelihoods? A Comparative Study of Two Nature Reserves in China, *Sustainability*, MDPI, Open Access Journal. 10(6): 1-16.
- Welch R.V. (1984). The meaning of development: Traditional view and more recent ideas. *New Zealand Journal of Geography*. 76(1): 2-4.
- Wiranatha A.S., Antara M. & Suryawardani I.G.A.I.G.A.O. (2017). Impact of tourism leakage on the growth of economic sectors, employment and income distribution in Bali, Indonesia. *International Journal of Economic Research*. 14(8).
- Worku M. (2017). The Role of Forest Biodiversity Conservation Practices for Tourism Development in a Case of Tara Gedam Monastery, South Gonder Zone, Ethiopia. *J. Ecosyst Ecography*. 7(231): 2.
- Yang J., Ryan C. & Zhang L. (2013). Social conflict in communities impacted by tourism. *Tourism management*. 35: 82-93.
- Zhang R., Xi J. & Zhang N. (2015). The Research on Peasant Sustainable Livelihood Models in Rural Tourism Areas Under Urbanization - A Case from Jixian, Tianjin. *Chinese Journal of Urban and Environmental Studies*. 3(01): 1550008.